|  |  |
| --- | --- |
| UBND HUYỆN CẦN GIUỘC  **TRƯỜNG TH TT CẦN GIUỘC** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: 116 /KH-THTTCG | *Thị trấn Cần Giuộc, ngày 5 tháng 09 năm 2022* |

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC  
Năm học 2022- 2023

I. Căn cứ xây dựng kế hoạch:

Thực hiện Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 18 tháng 6 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông theo Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông;

Căn cứ Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 5 tháng 05 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành chương trình giáo dục phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Chương trình giáo dục phổ thông;

Căn cứ Công văn số 344/BGDĐT-GDTrH ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn triển khai chương trình giáo dục phổ thông;

Căn cứ Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 7 tháng 06 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường cấp tiểu học;

Căn cứ Quyết định số 2559/QĐ-BGDĐT ngày 5 tháng 08 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành khung kế hoạch thời gian năm học 2022 -2023 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

Căn cứ Kế hoạch số 10/KH-UBND ngày 14/01/2020 triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông mới trên địa bàn tỉnh Long An;

Căn cứ Kế hoạch số 1450/KH-UBND ngày 18/3/2020 của Ủy ban Nhân dân huyện Cần Giuộc về việc triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông mới trên địa bàn huyện cần Giuộc;

Căn cứ Công văn số 984/PGDĐT-TH, ngày 29 tháng 06 năm 2021 của Phòng Giáo dục - Đào tạo Cần Giuộc về triển khai thực hiện Công văn số 2345/BGDĐT - GDTH, ngày 07 tháng 06 năm 2021 về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường cấp tiểu học;

Căn cứ Công văn số 1721/PGDĐT-GDTiH ngày 24 tháng 08 năm 2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Cần Giuộc về việc Thực hiện thời gian năm học 2022-2023 cấp tiểu học

Căn cứ vào tình hình thực tế của đơn vị, trường Tiểu học Thị trấn Cần Giuộc xây dựng Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2022-2023 như sau

II. Điều kiện thực hiện chương trình năm học 2022 -2023

1. Đặc điểm tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội địa phương

Thị trấn Cần Giuộc là trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế của huyện Cần Giuộc. Thị trấn Cần Giuộc đang tiến hành xây dựng từng bước để trở thành đô thị loại 3.

Sau hơn một năm sát nhập địa giới hành chính, mặc dù đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, song với sự lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời, sâu sát của Huyện ủy, giám sát kịp thời của Hội đồng nhân dân huyện, cùng với tinh thần trách nhiệm cao của các cấp, các ngành, sự đồng lòng, quyết tâm của Nhân dân, tình hình kinh tế - xã hội của thị trấn trong thời gian qua đạt nhiều kết quả quan trọng.

Cùng với sự phát triển về kinh tế là sự gia tăng dân số cơ học từ các địa phương khác chuyển đến sinh sống và làm việc; lực lượng công nhân cư trú trên địa bàn thường không ổn định, ít quan tâm đến học tập của học sinh.

Trong năm qua tuy ảnh hưởng của dịch Covid-19 nhưng kinh tế của thị trấn vẫn tăng trưởng cao, cuộc sống của nhân dân ngày càng được cải thiện.

Giá cả của một số mặt hàng tiêu dùng thiết yếu trên địa bàn thị trấn tương đối ổn định. Thị trường hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn không có diễn biến bất thường, nguồn cung các mặt hàng thiết yếu đáp ứng đầy đủ và không bị khan hiếm về số lượng, không tăng giá đột biến

2. Đặc điểm tình hình nhà trường năm học 2022 -2023

**2.1. Đặc điểm học sinh của trường**

- Được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của Sở Giáo dục & Đào tạo Long An, Phòng giáo dục và đào tạo Cần Giuộc, chính quyền địa phương và toàn thể các ban ngành từ cấp huyện đến địa phương, được ban đại diên CMHS, Hội khuyến học tạo mọi điều kiện thuận lợi để nhà trường hoàn thành tốt nhiệm vụ.

- Một số phụ huynh học sinh rất quan tâm đến việc học của con em nên việc kết hợp giáo dục giữa nhà trường và gia đình ngày càng có hiệu quả.

- Phần đông học sinh và cha mẹ học sinh trong địa bàn đã có lòng tin vào chất lượng giáo dục của nhà trường, yên tâm khi con em được học tại trường.

Trường Tiểu học Thị trấn Cần Giuộc có hai điểm trường.

Trong năm học 2022 -2023 trường dự kiến có 29 lớp với 1046 học sinh, trong đó nữ 493 học sinh; học sinh dân tộc 5 em. Tỷ lệ huy động trẻ đúng độ tuổi vào lớp 1 đạt 100%.

Trường tổ chức học 2 buổi/ngày cho 1046 học sinh đạt tỉ lệ 100%, và thực hiện bán trú tự nguyện cho 172 học sinh thuộc khối lớp 1,2,3

Tỉ lệ học sinh trên lớp: 36,06 học sinh/ 1 lớp.

**2.2. Tình hình đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lí**

Về số lượng: Tổng số cán bộ, giáo viên nhân viên trong nhà trường: 51 ( trong đó HĐ 161 : 7 gồm 4 bảo vệ và 3 bảo mẫu; Hợp đồng GV Tiểu học: 3 ). Ngoài ra trường còn hợp đồng theo tiết đối với dạy học môn Tiếng Anh, Tin học (3 giáo viên)

Thống kê cụ thể như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Số lượng** | **Nữ** | **Trình độ** | | | **Ghi chú** |
| **Đại học** | **Cao đẳng** | **Trung cấp** |
| Cán bộ quản lí | 3 | 1 | 3 |  |  |  |
| Giáo viên Tiểu học | 29 | 20 | 21 | 7 | 1 | Hợp đồng 3 |
| Âm nhạc | 1 | 0 | 1 |  |  |  |
| Mĩ thuật | 2 | 1 | 1 | 1 |  |  |
| Thể dục | 3 | 0 | 2 | 1 |  |  |
| Tiếng Anh | 2 | 2 | 2 |  |  |  |
| Tin học | 1 | 1 | 1 |  |  |  |
| Giáo viên kiêm TPT Đội | 1 | 0 | 1 |  |  |  |
| Nhân viên y tế | 1 | 1 |  |  | 1 |  |
| Nhân viên kế toán | 1 | 1 |  |  | 1 |  |
| Gv phổ cập | 1 | 0 |  |  |  |  |
| Nhân viên HĐ 161 | 7 | 03 |  |  | 7 |  |
| **Tổng cộng** | 52 | 29 | 32 | 9 | 7 |  |

Số lượng đảng viên là 17 đ/c, đạt tỷ lệ 33,3%.

Tỉ lệ giáo viên trên lớp: 1,32 giáo viên/ 1lớp.

**2.3. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; điểm trường, lớp ghép; cơ sở vật chất thực hiện bán trú, nội trú**

Trường có 29 phòng học đảm bảo mỗi lớp 1 phòng cụ thể như sau:

| **Số**  **TT** | **Tên hạng mục** | **Đơn vị tính** | **Số lượng** | **Diện tích (m2)** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Diện tích các phòng hành chính, phòng chức năng** | | | | |  |
| 01 | Phòng Hiệu trưởng | Phòng | 01 | 32 |  |
| 02 | Phòng Phó Hiệu trưởng | Phòng | 01 | 32 |  |
| 03 | Văn phòng | Phòng | 02 | 64 |  |
| 04 | Phòng học môn Âm nhạc | Phòng | 01 | 64 |  |
| 05 | Thư viện | Phòng | 01 | 90 |  |
| 06 | Phòng thiết bị | Phòng | 01 | 32 |  |
| 07 | Phòng truyền thống Đội- Phòng truyền thống | Phòng | 01 | 64 |  |
| 08 | Phòng Tiếng Anh | Phòng | 02 | 128 |  |
| 09 | Phòng Y tế | Phòng | 01 | 32 |  |
| 10 | Phòng Tin học | Phòng | 02 | 128 |  |
| 11 | Kho lưu trữ | Phòng | 01 | 32 |  |
| 12 | Phòng bảo vệ | Phòng | 01 | 9 |  |
|  | | | | | |
| 13 | Nhà vệ sinh CB, GV, NV | Nhà | 04 | 21,2 |  |
| 14 | Nhà vệ sinh học sinh | Nhà | 12 | 95,2 |
|  | | | | | |
| 15 | Nhà xe CB, GV, NV | Nhà | 02 | 72,2 |  |
| 16 | Nhà xe học sinh | Nhà | 02 | 60 |  |
| 23 | Sân chơi – Bãi tập | m 2 | 2 | 2800 |  |
|  | | | | | |

- Hệ thống chiếu sáng điện, nước sinh hoạt, nhà vệ sinh

Trong mỗi phòng học trang bị tối thiểu 4 bóng đèn ne-on để thắp sáng, 2 quạt trần, những lớp có điều kiện trang bị thêm các quạt treo tường xung quanh đảm bảo phòng học đủ độ sáng và thoáng mát phục vụ cho các hoạt động học tập và giáo dục.

Nhà trường phối hợp với công ty cấp nước để đảm bảo nước sạch trong trường, có nhà vệ sinh riêng biệt giữa giáo viên và học sinh, giữa nam và nữ. Nhà vệ sinh có hệ thống nước đầy đủ.

- Trang thiết bị, ĐDDH trang bị cho tối thiểu mỗi lớp một Bộ đồ dùng dạy học. Mỗi lớp đều có tủ đựng thiết bị để bảo quản thiết bị và đồ dùng học tập gọn gàng, ngăn nắp.

Trường Tiểu học Thị trấn có 2 điểm trường: điểm chính tại khu phố 3, điểm phụ tại khu phố Hòa Thuận II.

Số học sinh, số lớp:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Tổng số** | | **Điểm Khu phố 3** | | **Điểm Hòa Thuận II** | | **Ghi chú** |
| **Số lớp** | **Số học sinh** | **Số lớp** | **Số học sinh/ Nữ** | **Số lớp** | **Số học sinh/ nữ** |  |
| Khối 1 | 7 | 264/124 | 5 | 189/91 | 2 | 75/33 |  |
| Khối 2 | 6 | 203/100 | 4 | 146/70 | 2 | 57/30 |  |
| Khối 3 | 5 | 192/88 | 3 | 119/57 | 2 | 73/31 |  |
| Khối 4 | 6 | 202/100 | 4 | 133/65 | 2 | 69/35 |  |
| Khối 5 | 5 | 185/81 | 3 | 105/47 | 2 | 80/34 |  |
| Tổng cộng | **29** | **1046/493** | **19** | **692/330** | **10** | **354/163** |  |

III.Mục tiêu giáo dục năm học 2022 -2023

**1. Mục tiêu chung**

Thực hiện tốt kế hoạch giáo dục nhà trường đảm bảo phát triển phẩm chất và năng lực người học thông qua nội dung giáo dục với những kiến thức, kĩ năng cơ bản, thiết thực, hiện đại; hài hoà đức, trí, thể, mĩ; chú trọng thực hành, vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết vấn đề trong học tập và đời sống; thông qua các phương pháp, hình thức tổchức giáo dục phát huy tính chủ động và tiềm năng của mỗi học sinh, các phương pháp đánh giá phù hợp với mục tiêu giáo dục và phương pháp giáo dục để đạt được mục tiêu đó.

Thực hiện việc rà soát cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học để thực hiện hiệu quả nhiệm vụ năm học trong đó có việc thực hiện chương trình GDPT năm 2018 cho các năm tiếp theo.

Đổi mới hình thức và nội dung sinh hoạt tổ chuyên môn. Tổ chức hiệu quả sinh hoạt chuyên môn (SHCM) theo hướng đổi mới tại các tổ chuyên môn; chú trọng đổi mới nội dung và hình thức SHCM thông qua hoạt động dự giờ, nghiên cứu bài học.

Đổi mới phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục, cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt của chương trình và sự tiến bộ của họ sinh để hướng dẫn hoạt động học tập, điều chỉnh các hoạt động dạy học, quản lí và phát triển chương trình, đảm bảo sự tiến bộ của từng học sinh và nâng cao chất lượng giáo dục

Thực hiện tốt công tác phổ cập giáo dục tiểu học. Thực hiện huy động học sinh đúng và trong độ tuổi ra lớp, huy động học sinh cũ và tái huy động học sinh ra lớp hàng năm và trong suốt năm học với tỉ lệ cao nhất, duy trì tốt sĩ số học sinh, hạn chế đến mức thấp nhất tỉ lệ học sinh bỏ học trong năm học, trong hè.Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của đơn vị, hạn chế đến mức thấp nhất tỉ lệ học sinh thi lại, lưu ban, không hoàn thành Chương trình Tiểu học

Đảm bảo đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý đủ về số lượng, chuẩn hóa về trình độ đào tạo, đồng bộ về cơ cấu, nâng cao chất lượng theo chuẩn nghề nghiệp; thực hiện bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục để triển khai CTGDPT 2018 theo lộ trình; bồi dưỡng nâng cao năng lực triển khai các nhiệm vụ cho giáo viên đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm; bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp đối với giáo viên tiểu học; tổ chức bồi dưỡng cho 100% giáo viên dạy học lớp 3về các nội dung bồi dưỡng theo quy định của Bộ GDĐT và hướng dẫn sử dụng sách giáo khoa lớp 3cho năm học 2022-2023.

Triển khai thực hiện CTGDPT 2018 đối với lớp 1, 2, 3 đảm bảo chất lượng, hiệu quả; tích cực chuẩn bị các điều kiện đảm bảo triển khai thực hiện chương trình đối với lớp 4 từ năm học 2023-2024. Tiếp tục thực hiện hiệu quả CTGDPT cấp tiểu học ban hành theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/5/2006 (CTGDPT 2006) từ lớp 4,5.

2. Chỉ tiêu cụ thể

21. Chất lượng giáo dục:

Năm học 2022 -2023 là năm học toàn ngành giáo dục thực hiện nhiệm vụ kép với mục tiêu: vừa tích cực thực hiện các giải pháp phòng chống dịch Covid-19 đang diễn biến phức tạp; Nhà trường căn cứ các hướng dẫn của Phòng GDĐT xây dựng kế hoạch dạy học bảo đảm hoàn thành Chương trình giáo dục phổ thông (CTGDPT) cấp tiểu học phù hợp với diễn biến tình hình dịch bệnh xảy ra tại địa phương. Là năm học thứ hai triển khai CTGDPT 2018 cấp tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (CTGDPT 2018) đối với lớp 1và 2; thực hiện các nội dung theo Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 của Quốc hội, Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 18/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông bảo đảm chất lượng, hiệu quả, đúng lộ trình.

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Tổng số** | **Hoàn thảnh CT lớp học** | | **Đánh giá phẩm chất từ Đạt trở lên** | | **Đánh giá năng lực từ Đạt trở lên** | |
|  |  | **Số lượng** | **Tỉ lệ %** | **Số lượng** | **Tỉ lệ%** | **Số lượng** | **Tỉ lệ %** |
| **Khối 1** |  | 261 | 99 |  | 99 |  | 99 |
| **Khối 2** |  | 200 | 99 |  | 100 |  | 100 |
| **Khối 3** |  | 192 | 100 |  | 100 |  | 100 |
| **Khối 4** |  | 202 | 100 |  | 100 |  | 100 |
| **Khối 5** |  | 185 | 100 |  | 100 |  | 100 |

Tỉ lệ học sinh lên lớp thẳng: 99,6%

Tỉ lệ học sinh hoàn thành môn Tin học đạt: 100%

Tỉ lệ học sinh hoàn thành môn Tiếng Anh đạt: 100%

Tỉ lệ hoàn thành chương trình Tiểu học đạt: 100%

Đảm bảo 100% học sinh được tham gia các hoạt động ngoài giờ lên lớp.

**2.2. Đội ngũ QL, GV, NV.**

- Đảm bảo đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý đủ về số lượng, chuẩn hóa về trình độ đào tạo, đồng bộ về cơ cấu, nâng cao chất lượng theo chuẩn nghề nghiệp; thực hiện bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục để triển khai CTGDPT 2018 theo lộ trình; bồi dưỡng nâng cao năng lực triển khai các nhiệm vụ cho giáo viên đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm; bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp đối với giáo viên tiểu học; tổ chức bồi dưỡng cho 100% giáo viên dạy học lớp 4 về các nội dung bồi dưỡng theo quy định của Bộ GDĐT và hướng dẫn sử dụng sách giáo khoa lớp 4 cho năm học 2023-2024.

- Chú trọng đổi mới công tác quản lý, quản trị trường học theo hướng đẩy mạnh phân cấp quản lý, tăng cường quyền tự chủ của nhà trường trong việc thực hiện kế hoạch giáo dục đi đôi với việc nâng cao năng lực quản trị nhà trường, gắn với trách nhiệm của người đứng đầu cơ sở giáo dục. Tăng cường nền nếp, kỷ cương, nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động giáo dục trong nhà trường. Chú trọng kết hợp dạy chữ với dạy người, giáo dục ý thức, trách nhiệm của công dân đối với gia đình - nhà trường - xã hội cho học sinh tiểu học. Thực hiện tốt các cuộc vận động, các phong trào thi đua của ngành phù hợp điều kiện từng địa phương.

**2.3. Các Phong trào, hoạt động GD khác:**

- Chấp hành và thực hiện tốt các phong trào của ngành cũng như của cấp trên phát động.

- Thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch Covid 19.

- Tham gia và thực hiện tốt các phong trào của chính quyền địa phương đề ra.

- Tham gia giao lưu trao đổi chuyên môn, thể dục thể thao đối với các trường lân cận.

- Tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp. Thực hiện giảng dạy Giáo dục kĩ năng sống cho học sinh.

IV.Tổ chức các môn học và hoạt động giáo dục trong năm học (Tổ chức dạy học các môn học, hoạt động giáo dục được quy định trong chương trình cấp tiểu học)

Căn cứ khung phân phối chương trình giáo dục của Bộ Giáo dục, các văn bản hướng dẫn đổi mới hoạt động chuyên môn và đề nghị của các Tổ chuyên môn, Tổ xây dựng kế hoạch dạy học đối với các khối lớp cho các môn học bắt buộc và tự chọn.

- Đảm bảo việc rà soát, điều chỉnh phân phối chương trình trên cơ sở đảm bảo chuẩn các phẩm chất và năng lực của học sinh phù hợp với đối tượng, cấp học trong chương trình giáo dục phổ thông 2018, xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế theo khung thời gian 35 tuần thực học (học kỳ I: 18 tuần, học kỳ II: 17 tuần).

- Các tổ/nhóm chuyên môn có trách nhiệm xây dựng và thực hiện kế hoạch dạy học, thiết kế tiến trình dạy học trong mỗi môn học với các nội dung, các chủ đề dạy học, các chủ đề tích hợp, liên môn phù hợp và theo hình thức, phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực; chú trọng giáo dục đạo đức, rèn luyện kỹ năng sống, hiêu biết xã hội, thực hành pháp luật; tăng cường các hoạt động nhằm giúp học sinh vận dụng kiến thức vào giải quyết các vấn đề thực tiễn. Việc xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục định hướng phát triển năng lực học sinh của mỗi tổ phải phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường, địa phương và khả năng học tập của học sinh.

1.Phân phối thời lưọng các môn học và hoạt động giáo dục (đính kèm Phụ lục 1.1)

2.Các hoạt động giáo dục tập thể và theo nhu cầu ngưòi học

**2.1Các hoạt động giáo dục tập thể thực hiện trong năm học** (đính kèm Phụ lục 1.2)

**2.2Tổ chức hoạt động cho học sinh sau giờ học chính thức trong ngày, theo nhu cầu người học và trong thời gian bán trú tại trường** (trong trường hợp có học sinh bán trú) (tham khảo Phụ lục 1.3)

3.Tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục đối với các điểm trưòng

Trường Tiểu học Thị trấn Cần Giuộc có một điểm trường tại Khu phố Hòa Thuận II, Tại điểm này thực hiện theo kế hoạch chung của toàn trường.

4. Khung thời gian thực hiện chương trình năm học 2022 – 2023 và kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục

Đổi với các lớp thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 theo lộ trình quy định, Kế hoạch giáo dục của nhà trường được xây dựng đảm bảo tổ chức dạy học 2 buổi/ngày, mỗi ngày bố trí không quả 7 tiết học, mỗi tỉết *35* phút; 10 buổi/tuần với 35 tiết/tuần.

Căn cứ Công văn số 1721/PGDĐT-GDTiH ngày 24 tháng 08 năm 2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Cần Giuộc về việc Thực hiện thời gian năm học 2022-2023 cấp tiểu học.

Trường Tiểu học Thị trấn Cần Giuộc xây dựng thời gian năm học như sau

Ngày tựu trường đối với học sinh khối 1: 22/08/2022

Ngày tựu trường đối với học sinh khối 2-5: 29/08/2022

Ngày khai giảng: ngày 5/9/2022

Học kỳ I bắt đầu từ ngày 05/ 09/2022 kết thúc ngày 7/01/2023 (gồm 18 tuần thực học còn lại dành cho các hoạt động khác). Bắt đầu thực hiện tuần 1 từ ngày 05/09/2022.

Học kỳ II bắt đầu từ ngày 10/ 01/2023 kết thúc ngày 21/05/2023 (gồm 17 tuần thực học còn lại dành cho các hoạt động khác). Bắt đầu thực hiện chương trình học kì II từ ngày 10/01/2013

Ngày hoàn thành chương trình học kì II: 21/05/2023

Tuần lễ dự phòng từ ngày 22/05/2023-28/05/2023.

Kết thúc năm học trước ngày 31/05/2022

Căn cứ vào các quy định khác có liên quan đến thời gian của các cấp có thẩm quyền (quy định về lịch sinh hoạt chuyên môn trong tuần, tháng; sinh hoạt cụm chuyên môn...).

Ngoài việc sinh hoạt chuyên môn định kì 2 tuần/1 lần, trường còn tham gia các buổi sinh hoạt chuyên môn theo cụm. Tổ chức các chuyên đề cấp trường để giáo viên thể hiện khả năng của bản thân và học hỏi kinh nghiệm từ đồng nghiệp.

Căn cứ vào điều kiện thực tế thời gian trong năm học (các ngày nghỉ lễ theo quy định trùng vào các ngày học, phải có kế hoạch học bù, các ngày nghỉ khác vì lí do bất khả kháng nếu có...)

Các ngày nghỉ trong năm học gồm:

- Ngày nghỉ giữa 2 học kì: 09/01/2023

- Nghỉ Tết Âm lịch (Quý Mão): 13 ngày, từ ngày 16/01/2023 (25/12 âm lịch) đến hết ngày 28/01/2023 (mùng 07/01 âm lịch).

- Ngày nghỉ khác: 7 ngày (Lễ Quốc khánh 1-02/9/2022 (2 ngày), Ngày Nhà giáo 20/11/2022, Tết Dương lịch 01/01/2023, Giỗ Tổ Hùng Vương 29/4/2023, Lễ

Chiến thắng 30/4/2023, Ngày Quốc tế lao động 01/5/2023).

Thời gian năm học cụ thể như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Từ ngày** | **Đến ngày** | **Thực dạy** | **Ghi chú** |
| 1 | 05/09/2022 | 10/09/2022 | Tuần 1 | Sinh hoạt chuyên môn lần 1 |
| 2 | 12/09/2022 | 17/09/2022 | Tuần 2 |  |
| 3 | 19/09/2022 | 24/09/2022 | Tuần 3 | Sinh hoạt chuyên môn lần 2 |
| 4 | 26/09/2022 | 01/10/2022 | Tuần 4 |  |
| 5 | 03/10/2022 | 08/10/2022 | Tuần 5 | Sinh hoạt chuyên môn lần 3 |
| 6 | 10/10/2022 | 15/10/2022 | Tuần 6 |  |
| 7 | 17/10/2022 | 22/10/2022 | Tuần 7 | Sinh hoạt chuyên môn lần 4 |
| 8 | 24/10/2022 | 29/10/2022 | Tuần 8 |  |
| 9 | 31/10/2022 | 05/11/2022 | Tuần 9 | Sinh hoạt chuyên môn lần 5 |
| 10 | 07/11/2022 | 12/11/2022 | Tuần 10 | Kiểm tra giữa học kì 1 ( Khối 4,5) |
| 11 | 14/11/2022 | 19/11/2022 | Tuần 11 | Sinh hoạt chuyên môn lần 6 |
| 12 | 21/11/2022 | 26/11/2022 | Tuần 12 | Dạy bù nghỉ lễ 20/11. |
| 13 | 28/11/2022 | 03/12/2022 | Tuần 13 | Sinh hoạt chuyên môn lần 7 |
| 14 | 05/12/2022 | 10/12/2022 | Tuần 14 |  |
| 15 | 12/12/2022 | 17/12/2022 | Tuần 15 | Sinh hoạt chuyên môn lần 8 |
| 16 | 19/12/2022 | 24/12/2022 | Tuần 16 | Kiểm tra các môn Tiếng Anh, Tin học |
| 17 | 26/12/2022 | 31/12/2022 | Tuần 17 | Sinh hoạt chuyên môn lần 9  Kiểm tra các môn văn hóa |
| 18 | 02/01/2023 | 07/01/2023 | Tuần 18 | **Hoàn thành văn hóa học kì I**  **Dạy bù nghỉ Tết dương lịch**  **Hoàn thành các thống kê, Cơ sở dữ liệu, Quản lí giáo dục** |
| 19 | 09/01/2023 | 14/01/2023 | Tuần 19 | **Nghỉ giữa 2 học kì ngày 09/01/2023**  Sinh hoạt chuyên môn lần 10 |
| 20 | 16/01/2023 | 21/01/2023 | **Nghỉ Tết nguyên Đán.** | **Nghỉ Tết nguyên Đán từ ngày 16/01/2023 đến hết ngày 28/01/2023** |
| 21 | 23/01/2023 | 28/01/2023 |
| 22 | 30/01/2023 | 4/02/2023 | Tuần 20 | Sinh hoạt chuyên môn lần 11 |
| 23 | 06/02/2023 | 11/02/2023 | Tuần 21 |  |
| 24 | 13/02/2023 | 18/02/2023 | Tuần 22 | Sinh hoạt chuyên môn lần 12 |
| 25 | 20/02/2023 | 25/02/2023 | Tuần 23 |  |
| 26 | 27/02/2023 | 04/03/2023 | Tuần 24 | Sinh hoạt chuyên môn lần 13 |
| 27 | 06/03/2023 | 11/03/2023 | Tuần 25 |  |
| 28 | 13/03/2023 | 18/03/2023 | Tuần 26 | Sinh hoạt chuyên môn lần 14 |
| 29 | 20/03/2023 | 25/03/2023 | Tuần 27 |  |
| 30 | 27/03/2023 | 01/04/2023 | Tuần 28 | Sinh hoạt chuyên môn lần 15  Kiểm tra giữa học kì 2 ( Khối 4,5) |
| 31 | 03/04/2023 | 08/04/2023 | Tuần 29 |  |
| 32 | 10/04/2023 | 15/04/2023 | Tuần 30 | Sinh hoạt chuyên môn lần 16 |
| 33 | 17/04/2023 | 22/04/2023 | Tuần 31 | **Dạy bù nghỉ lễ Giổ tổ HV, Lễ chiến thắng** |
| 34 | 24/04/2023 | 29/04/2023 | Tuần 32 | **Dạy bù nghỉ lễ Giổ tổ HV, Lễ chiến thắng**  Sinh hoạt chuyên môn lần 17 |
| 35 | 01/05/2023 | 06/05/2023 | Tuần 33 | **Kiểm tra các môn Tiếng Anh, Tin học, Công nghệ** |
| 36 | 08/05/2023 | 13/05/2023 | Tuần 34 | **Kiểm tra các môn văn hóa**  **Sinh hoạt chuyên môn lần 18** |
| 37 | 15/05/2023 | 20/05/2023 | Tuần 35 | **Hoàn thành chương học kì II**  **Hoàn thành các thống kê, Cơ sở dữ liệu, Quản lí giáo dục.** |
| 38 | 22/05/2023 | 27/05/2023 | Tuần lễ dự phòng | Tuần lễ dự phòng |
| 39 | 29/05/2023 | 31/05/2023 | Tuần TK năm học | Tuần tổng kết năm học |
|  |  |  |  |  |

Tổng số có 35 tuần thực học văn hóa theo kế hoạch của Bộ giáo dục và Đào tạo.

Tại trường Tiểu học Thị trấn Cần Giuộc thời gian thực hiện chương trình năm học 2022 – 2023 cụ thể như sau:

4.1 Đối với khối lớp 1

Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học (đính kèm Phụ lục 1.4)

4.2 Đối với khối lớp 2

a) Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học (đính kèm Phụ lục 1.4)

4.3 Đối với khối lớp 3

Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học (đính kèm Phụ lục 1.4)

4.4 Đối với khối lớp 4

Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học (đính kèm Phụ lục 1.4)

4.5 Đối với khối lớp 5

Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học (đính kèm Phụ lục 1.4)

V. Giải pháp thực hiện

**1. Tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học (trong thẩm quyền và nhiệm vụ của Hiệu trưởng)**

Tổ chức kiểm tra cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học trước khi vào năm học mới.

Trang bị bộ đồ dùng dạy học tối thiểu. Trang bị mỗi lớp 1,2 một bộ đồ dùng dạy học giáo dục an ninh quốc phòng.

Tích cực phối hợp với ban quản lý dự án đôn đốc nhà thầu hoàn thành 12 phòng học đúng tiến độ.

**2. Thực hiện công tác đội ngũ**

**2.1. Bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ nhà giáo, CBQL**

Việc xây dựng, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo và CBQLGD đạt chuẩn theo các quy định hiện hành, đồng thời từng bước nâng cao chuẩn hóa trình độ đào tạo, nâng cao chất lượng toàn diện, bảo đảm đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, vững vàng về tư tưởng chính trị, mẫu mực về phẩm chất, đạo đức, lối sống. Kế hoạch phát triển đội ngũ nhà giáo trong năm học 2022 -2023, toàn trường triển khai thực hiện các giải pháp trọng tâm:

Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho CB, GV và toàn xã hội về vai trò, vị trí, trách nhiệm của nhà giáo và nhiệm vụ xây dựng đội ngũ nhà giáo, CBQLGD có chất lượng cao, giỏi về chuyên môn, nghiệp vụ, trong sáng về đạo đức, tận tụy với nghề nghiệp, làm trụ cột thực hiện các mục tiêu nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài; đồng thời, tăng cường và phát huy vai trò lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của cấp ủy Đảng, chính quyền, các cơ quan QLGD.

Tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất, trang thiết bị, môi trường giúp đội ngũ nhà giáo và CBQLGD có ý thức tự học mọi lúc, mọi nơi, qua thực tiễn công tác để đúc rút những bài học cho bản thân.

Xây dựng quy hoạch, bồi dưỡng nhà giáo và CBQLGD. Rà soát, bố trí, sắp xếp lại đội ngũ GV trường và có biện pháp tham mưu lãnh đạo như: Bồi dưỡng nâng cao trình độ, chuyên môn nghiệp vụ bố trí công việc khác phù hợp với khả năng của bản thân.

Đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục, tuyên truyền, nâng cao nhận thức tạo sự đồng thuận và sự tham gia của toàn xã hội trong việc xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo, CBQLGD theo tinh thần Chỉ thị số 40/CT-TW, ngày 15-6-2004 của Ban Bí thư Trung ương.

Xây dựng kế hoạch và tổ chức bồi dưỡng thường xuyên cho CBQL, GV trong nhà trường.

Công tác đào tạo bồi dưỡng: Trong năm học 2021 -2022 nhà trường xây dựng kế hoạch 4 giáo viên tiếp tục học lớp Đại học, dự kiến cử 1 giáo viên tham gia lớp trung cấp chính trị.

**2.2. Đổi mới hình thức tổ chức và PPDH**

Trong năm học 2022 -2023 BGH nhà trường tiếp tục triển khai bảo đảm chất lượng Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 1, 2, 3 và thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông 2006 từ lớp 4, 5. Bảo đảm 100% giáo viên dạy học lớp 4 được bồi dưỡng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, được hướng dẫn sử dụng sách giáo khoa lớp 4 từ năm học 2023-2024. Bên cạnh đó, trường rà soát, dự báo quy mô phát triển giáo dục, tham mưu với chính quyền địa phương bố trí quỹ đất để xây dựng trường, điểm trường, lớp học phù hợp, thuận lợi, đáp ứng nhu cầu người học; tăng cường cơ sở vật chất đáp ứng việc thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học.

Để đổi mới hình thức tổ chức và PPDH nhà trường đã xây dựng cần thực hiện hai nhiệm vụ sau:

Một là, chú trọng đổi mới công tác quản lý, quản trị trường học theo hướng phát huy tính chủ động, linh hoạt của nhà trường, năng lực tự chủ, sáng tạo của tổ chuyên môn, giáo viên; khai thác, sử dụng sách giáo khoa, các nguồn học liệu, thiết bị dạy học hiệu quả, phù hợp; vận dụng linh hoạt các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học nhằm phát triển năng lực, phẩm chất học sinh; tăng cường phối hợp giữa nhà trường với cha mẹ học sinh và các cơ quan, tổ chức có liên quan tại địa phương...

Hai là đa dạng hóa các hình thức tổ chức dạy học để khắc phục, ứng phó với tác động của dịch COVID-19; chủ động có các phương án, kịch bản cụ thể để tổ chức dạy học phù hợp với tình hình dịch bệnh và khả năng đáp ứng của cơ sở giáo dục cũng như điều kiện thực tế của người học; tổ chức xây dựng kho học liệu điện tử phù hợp để sẵn sàng cho việc tổ chức dạy học trực tuyến, dạy học qua truyền hình...

**3.Thực hiện quy chế chuyên môn:**

Xậy dựng quy chế chuyên môn và triển khai thực hiện đến tất cả giáo viên

Giáo viên lên lớp phải có đẩy đủ giáo án theo quy định.

Tiếp tục đổi mới nội dung sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn: nội dung sinh hoạt chuyên môn phải thể hiện rõ trong các biên bản họp tổ. Thực hiện sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn 2 tuần/1 lần.

Tăng cường sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học. Khuyến khích giáo viên sinh hoạt trao đổi chuyên môn qua chuyên đề.

Tăng cường hoạt động dự giờ, thăm lớp trong năm học 2022 -2023; đảm bảo nền nếp, chất lượng sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học.

Ban giám hiệu chỉ đạo tổ chuyên môn ký duyệt kế hoạch dạy học mỗi tuần vào ngày thứ 6 hàng tuần.

Ban giám hiệu, tổ trưởng chuyên môn kiểm tra kế hoạch tổ chuyên môn và kế hoạch dạy học của giáo viên phải xác nhận đầy đủ, chịu trách nhiệm về nội dung mình kiểm tra.

Mỗi tổ chuyên môn thực hiện tối thiểu 2 chuyên đề trên năm. Vận dụng các chuyên đề này một cách thiết thực để đẩy mạnh chất lượng giảng dạy trong nhà trường.

**4. Phụ đạo học sinh chưa đạt yêu cầu cần đạt (lớp 1,2), chuẩn kiến thức kỹ năng môn học (lớp 3,4,5) và bồi dưỡng học sinh năng khiếu, các cuộc giao lưu, các câu lạc bộ, sân chơi trí tuệ, … đáp ứng nhu cầu, sở thích**

Lên kế hoạch tổ chức khảo sát ngay từ đầu năm học, từ đó Ban giám hiệu nhà trường đề ra phụ đạo học sinh chưa đạt yêu cầu như sau:

Đối với các em lớp 1, lớp 2:

+ Họp Cha mẹ học sinh và nêu rõ thuận lợi, khó khăn của lớp, thông báo kết quả học tập cụ thể của từng em để Cha mẹ học sinh nắm được và bàn cách kèm cặp các em ở lớp cũng như ở nhà.

+ Sắp xếp chỗ ngồi phù hợp với đối tượng học sinh. Thành lập đôi bạn học tập.

+ Lập danh sách học sinh, xây dựng kế hoạch phụ đạo học sinh.

+ Theo dõi kiểm tra hàng tháng các em, để biết được kiến thức của các em đạt đến mức độ nào.

+ Thường xuyên nhận xét, chữa bài cụ thể cho từng em.

+ Động viên kịp thời đúng mức.

+ GV hướng dẫn các em học ở nhà, học cùng bạn.

Đối với lớp 4, lớp 5.

Yêu cầu giáo viên chủ nhiệm phân loại học sinh, lên kế hoạch phụ đạo học sinh yếu từng môn của lớp hàng tuần. Trao đổi với học sinh về lực học của các em, thông báo với Cha mẹ về nội dung, thời gian phụ đạo thêm cho học sinh để phối hợp đưa đón, kiểm tra hoặc giao thêm bài về nhà.

Hàng tháng GVCN báo cáo kết quả phụ đạo, sự tiến bộ của từng học sinh với Ban giám hiệu.

Thời gian: Thời gian bồi dưỡng học sinh bắt đầu từ 1/10/2022.

Công tác bồi dưỡng học sinh năng khiếu, các cuộc giao lưu, các câu lạc bộ, sân chơi trí tuệ, … đáp ứng nhu cầu, sở thích:

Lập danh sách học sinh năng khiếu, học sinh giỏi

+ Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch bồi dưỡng học sinh, phân công giáo viên bồi dưỡng.

+ Trực tiếp theo dõi, chỉ đạo công tác bồi dưỡng của các tổ khối, giáo viên giảng dạy.

- Dạy theo lịch của nhà trường.

- Thời gian: Bồi dưỡng từ 1/10/2022, đối với lớp 3, lớp 4, lớp 4, lớp 5 bắt đầu bồi dưỡng vào đầu tháng 11/2022 đến khi học sinh dự thi cấp huyện (dự kiến cuối tháng 3).

**5. Thực hiện GD đối với HS khuyết tật hòa nhập, HS có hoàn cảnh khó khăn**

**Đối với học sinh khuyết tật hòa nhập:**

Tiếp nhận tất cả các học sinh khuyết tật, hòa nhập theo nguyện vọng của Cha mẹ và học sinh.

Lập hồ sơ theo dõi giáo dục đối với học sinh hòa nhập (đối với học sinh không đánh giá bằng điểm số)

Đánh giá mức độ hiểu được kiến thức của học sinh khuyết tật để có phương pháp giảng dạy, giáo dục, hỗ trợ và đánh giá phù hợp.

Phối hợp thường xuyên với Cha mẹ trong việc giáo dục học sinh khuyết tât.

Đối với học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

Thực hiện đầy đủ đúng các chế độ chính sách cho HS có hoàn cảnh khó khăn theo công văn chỉ đạo của cấp trên.

**6. Đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá học sinh**

Nhà trường luôn chú trọng việc đổi mới việc kiểm tra và đánh giá thành tích học tập của HS. Đánh giá kết quả học tập là quá trình thu thập thông tin, phân tích và xử lý thông tin, giải thích thực trạng việc đạt mục tiêu giáo dục, tìm hiểu nguyên nhân, ra những quyết định sư phạm giúp học sinh học tập ngày càng tiến bộ.

**7. Về thực hiện công tác kiểm định chất lượng giáo dục**

Hiệu trưởng nhà trường ra quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá các tiêu chuẩn. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên

Thời gian thực hiện tìm minh chứng và tự đánh giá các tiêu chuẩn từ tháng 12/2022. Các nhóm phụ trách các tiêu chuẩn tự đánh giá báo cáo kết quả, đánh giá mức độ đạt được của các tiêu chuẩn từ tháng 12/2022 đến tháng 5/2023.

BGH nhà trường tập hợp các báo cáo và tổng hợp tự đánh giá đạt các mức của các tiêu chuẩn từ tháng 05/2022 đến tháng 06/2023. Phân công cho chủ tịch hội đồng đánh giá phụ trách.

**8. Công tác kiểm tra nội bộ trường học**

Ban giám hiệu nhà trường ra quyết định và xây dựng kế hoạch công tác kiểm tra nội bộ trường học năm học 2022 -2023.

Kiện toàn tổ chức: thành lập ban chuyên môn gồm Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, Chủ tịch công đoàn, Trưởng ban thanh tra nhân dân, tổ trưởng CM (Có quyết định kèm theo); đảm bảo là những cán bộ, giáo viên có kinh nghiệm quản lý, năng lực chuyên môn, có phẩm chất, uy tín để thực hiện tốt nhiệm vụ tự kiểm tra, đánh giá.

Tập huấn công tác tự kiểm tra nội bộ nhà trường cho ban chuyên môn và 100% giáo viên trong nhà trường để giáo viên nắm vững mục đích yêu cầu của công tác kiểm tra nội bộ trường học.

Thực hiện tự kiểm tra trong nhà trường 2 lần/ năm học. Kiểm tra hoạt động sư phạm nhà giáo, tổ nhóm chuyên môn, kiểm tra toàn diện và kiểm tra chuyên đề.

**9. Công tác thư viện và phát triển văn hóa đọc**

Trong năm học 2022 -2023 nhà trường có kế hoạch xây dựng một phòng đọc thư viện xanh ngoài trời để trang trí các cuốn sách hay, những cuốn sách bổ ích trang bị cho các em kiến thức cần thiết trong cuộc sống cũng như trong học tập.

Luôn duy trì nét đẹp của văn hóa đọc cho học sinh dưới nhiều hình thức đa đạng. khuyến khích học sinh đọc sách, báo, truyện tranh thông qua việc giao bài tập.

Hưởng ứng "Ngày hội đọc sách", nhà trường lên kế hoạch và giao cho tổng phụ trách đội kết hợp với cán bộ thư viện tổ chức cho các em viết cảm nhận về một cuốn sách hay, một câu chuyện ý nghĩa mà các em đã đọc trong sách, báo trong dịp nghỉ hè.

Giao cho GV chủ nhiệm rèn thói quen cho các em học sinh dù đến trường hay ở nhà vẫn duy trì việc đọc sách, báo để trau rồi kiến thức, khả năng ngôn ngữ của mình.

**10.Tổ chức các hoạt động trải nghiệm**

Tăng cường tổ chức và quản lí các hoạt động giáo dục kĩ năng sống theo Thông tư số 04/2014/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 02 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về Quản lí hoạt động giáo dục kĩ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa. Nhà trường tổ chức thực hiện hiệu quả hoạt động trải nghiệm; tập trung vào các hoạt động giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh, giáo dục giá trị sống, kĩ năng sống, kĩ năng tự bảo vệ bản thân tránh bị xâm hại, bạo lực, ý thức giữ gìn môi trường xanh - sạch - đẹp; thực hiện tốt giáo dục thực hành tâm lí học đường cho học sinh tiểu học, làm tốt công tác chăm sóc sức khỏe và làm quen với một số nghề truyền thống ở địa phương.

Tổ chức tốt các hoạt động trải nghiệm nhằm nâng cao kiến thức, kỹ năng thực hành và hình thành ở học sinh một số kỹ năng sống cơ bản trên cơ sở hướng dẫn thực hiện các hoạt động trải nghiệm khám phá, qua hoạt động Đội, Sao, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp…Học sinh tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm, khám phá, thực hành về kỹ năng sống phù hợp với lứa tuổi. Học sinh có kiến thức cơ bản về kỹ năng sống thường ngày, kỹ năng giao tiếp xã hội và các hành vi ứng xử cơ bản ban đầu. Giúp học sinh có được sự an toàn mọi lúc mọi nơi, có tính tự lực, tự tin, giàu sức sáng tạo và khỏe mạnh.

VI.Tổ chức thực hiện

**1. Hiệu trưởng**

Xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục nhà trường và tổ chức triển khai, thực hiện kế hoạch; chịu trách nhiệm chung về các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Tổ chức thực hiện tốt công tác truyền thông Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018; tham mưu cấp trên về xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất, bổ sung trang thiết bị, đồ dùng dạy học.

Xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ các hoạt động giáo dục trong nhà trường.

Tổ chức các hoạt động bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ.

Chủ trì xây dựng các tiêu chí thi đua trong nhà trường.

Ban hành quyết định thành lập tổ chuyên môn; quyết định bổ nhiệm các chức danh tổ trưởng, tổ phó tổ chuyên môn.

Phân công giáo viên chủ nhiệm lớp và giảng dạy các môn học và hoạt động giáo dục.

Chỉ đạo, tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018, bắt đầu từ lớp 1; kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 của giáo viên.

Tham gia sinh hoạt chuyên môn ở tổ để tư vấn, định hướng công tác chuyên môn cho giáo viên.

**2. Phó Hiệu trưởng**

Xây dựng thời khóa biểu phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường, đảm bảo dạy không quá 7 tiết/ngày; 10 buổi /tuần.

Quản lý, chỉ đạo các hoạt động chuyên môn; công tác thư viện, thiết bị; quản lý các phần mềm liên quan đến hoạt động chuyên môn.

Xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp; hoạt động trải nghiệm; kế hoạch bồi dưỡng học sinh năng khiếu, phụ đạo học sinh chận tiến bộ và các hoạt động khác.có liên quan đến các hoạt động giáo dục.

Chỉ đạo các tổ chuyên môn hoạt động theo đúng Điều lệ trường tiểu học. Tổ chức các sinh hoạt chuyên môn cấp trường về dạy học lớp 1,2,3 theo Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018.

Tổ chức kiểm tra các hoạt động liên quan đến chuyên môn.

Tham gia sinh hoạt chuyên môn ở tổ để tư vấn, định hướng công tác chuyên môn cho giáo viên.

**3. Tổ trưởng chuyên môn**

Xây dựng kế hoạch triển khai các hoạt động chuyên môn của tổ.

Tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo chuyên đề và theo nghiên cứu bài học; đổi mới phương pháp day học và lựa chọn nội dung dạy học; những vấn đề vướn mắc trong việc thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 đối với lớp 1,2.

Dự giờ, góp ý, rút kinh nghiệm tiết dạy cho giáo viên; bồi dưỡng giáo viên trong tổ.

Tổng hợp báo cáo chất lượng giáo dục của tổ.

Tham gia tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm và các hoạt động giáo dục khác.

**4. Tổng phụ trách Đội**

Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh và Sao Nhi đồng Hồ Chí Minh ở nhà trường góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện học sinh.

Tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm. - Tham gia đầy đủ các hoạt động của HĐĐ.

Xây dựng biểu điểm thi đua cho Liên đội, báo cáo và sơ kết thi đua theo đúng quy định.

Giảng dạy 2 tiết/ tuần.

**5. Giáo viên chủ nhiệm**

Xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp với tình hình của lớp. Xây dựng kế hoạch bài dạy theo công văn 2345/BGD-ĐT ngày 07/06/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục tiểu học.

Thực hiện tốt công tác và giảng dạy, giáo dục đảm bảo chất lượng theo chương trình giáo dục, kế hoạch dạy học; soạn bài, lên lớp, kiểm tra, đánh giá, xếp loại học sinh.

Quản lí học sinh trong các hoạt động giáo dục do nhà trường tổ chức; tham gia các hoạt động chuyên môn.

Chịu trách nhiệm về chất lượng, hiệu quả giảng dạy và giáo dục.

Trau dồi đạo đức, nêu cao tinh thần trách nhiệm, giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín của nhà giáo; g¬ương mẫu trước học sinh, th¬ương yêu, đối xử công bằng và tôn trọng nhân cách của học sinh; bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng của học sinh; đoàn kết, giúp đỡ đồng nghiệp.

Học tập, rèn luyện để nâng cao sức khỏe, trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy. Tham gia công tác phổ cập giáo dục tiểu học ở địa phương.

Thực hiện nghĩa vụ công dân, các quy định của pháp luật và của ngành, các quyết định của Hiệu trưởng; nhận nhiệm vụ do Hiệu trưởng phân công, chịu sự kiểm tra, đánh giá của Hiệu trưởng và các cấp quản lí giáo dục.

Phối hợp với Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, gia đình học sinh và các tổ chức xã hội liên quan để tổ chức hoạt động giáo dục.

**6.Giáo viên phụ trách môn học**

Thường xuyên trao đổi với đồng nghiệp, trao đổi với Cha mẹ học sinh về tình hình học tập của học sinh. Phối hợp với giáo viên chủ nhiệm trong việc đảm bảo chất lượng các môn học do mình phụ trách.

Giảng dạy bộ môn theo phân công chuyên môn;

Dạy bồi dưỡng HS năng khiếu của bộ môn giảng dạy và dạy hỗ trợ học sinh hạn chế

Chủ nhiệm câu lạc bộ bộ môn khi được phân công.

Phối hợp với Tổng phụ trách Đội tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp, xây dựng các câu lạc bộ phù hợp với sở thích của các em học sinh.

**7. Nhân viên**

Tổ chức các hoạt động của thư viện, thiết bị.

Xây dựng các kế hoạch hoạt động liên quan đến hoạt động của thư viện, thiết bị dạy học.

Khuyến khích học sinh tích cực tham gia các hoạt động đọc sách.

Tham mưu với lãnh đạo trường về kế hoạch tổ chức Ngày hội đọc sách.

Tham mưu với lãnh đạo trường về mua sắm bổ sung sách báo, trang thiết bị dạy học theo đề xuất của giáo viên.

Trên đây là kế hoạch giáo dục năm học 2022 -2023 của trường Tiểu học thị trấn Cần Giuộc.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Phòng GD&ĐT Cần Giuộc(b/c)  - Các bộ phận ;  - GV- NV ;  - Lưu VT,CM./. | **HIỆU TRƯỞNG**  **Trần Thị Kim Mầu** |

**DUYỆT PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

Cần Giuộc, ngày tháng năm 2022

**KT TRƯỞNG PHÒNG**

**PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

**Nguyễn Thành Công**

Phụ lục 1.1. Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục

Ghi chủ:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Hoạt động giáo dục** | | **Số tiết lớp 1** | | | | | | **Số tiết lớp 2** | | | **Số tiết lớp 3** | | | **Số tiết lớp 4** | | | **Số tiết lớp 5** | | |
| **Tổng** | | **HKI** | | **HKII** | | **Tổng** | **HKI** | **HKII** | **Tổng** | **HKI** | **HKII** | **Tổng** | **HKI** | **HKII** | **Tổng** | **HKI** | **HKII** |
| **1. Môn học bắt buộc** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Tiếng Việt | | 420 | | 216 | | | 204 | 350 | 180 | 170 | 245 | 126 | 119 | 280 | 144 | 136 | 280 | 144 | 136 |
| 2 | Toán | | 105 | | 54 | | | 51 | 175 | 90 | 85 | 175 | 90 | 85 | 175 | 90 | 85 | 175 | 90 | 85 |
| 3 | Đạo đức | | 35 | | 18 | | | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 |
| 4 | Tự nhiên và xã hội | | 70 | | 36 | | | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 |  |  |  |  |  |  |
| 5 | Giáo dục thể chất | | 70 | | 36 | | | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 |
| 6 | Nghệ thuật (Âm nhạc, Mỹ thuật) | | 70 | | 36 | | | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 |
| 7 | Hoạt động trải nghiệm | | 105 | | 54 | | | 51 | 105 | 54 | 51 | 105 | 54 | 51 |  |  |  |  |  |  |
| 8 | Tin học và Công nghệ | | 0 | | 0 | | | 0 | 0 | 0 | 0 | 70 | 36 | 34 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 9 | Kĩ thuật | |  | |  | | |  |  |  |  |  |  |  | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 |
| 10 | Lịch sử Địa Lí | |  | |  | | |  |  |  |  |  |  |  | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 |
| 11 | Khoa học | |  | |  | | |  |  |  |  |  |  |  | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 |
| 12 | Ngoại ngữ 1 | | 0 | | 0 | | | 0 | 0 | 0 | 0 | 140 | 72 | 68 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| **2. Môn học tự chọn** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 12 | Tiếng Anh (Tự chọn) | 70 | | 36 | | 34 | | | 70 | 36 | 34 |  |  |  | 70 | 36 | 34 | 140 | 72 | 68 |
| 13 | Tin học |  | |  | |  | | |  |  |  |  |  |  | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 |
| **3. Hoạt động củng cố, tăng cường** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 14 | Tăng cường Tiếng Việt | 140 | | 72 | | 68 | | | 140 | 72 | 68 | 70 | 36 | 34 | 105 | 54 | 51 | 70 | 36 | 34 |
| 15 | Tăng cường Toán | 105 | | 54 | | 51 | | | 105 | 54 | 51 | 105 | 54 | 51 | 70 | 36 | 34 | 35 | 18 | 17 |
| 16 | Tăng cường giáo dục KNS | 35 | | 18 | | 17 | | | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 |
| **Tổng** | | 1225 | | 630 | | 595 | | | 1225 | 630 | 595 | 1225 | 630 | 595 | 1225 | 630 | 595 | 1225 | 630 | 595 |

Phụ lục 1.2. Các hoạt động giáo dục tập thể thực hiện trong năm học

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tháng | Chủ điểm | Nội dung trọng tâm | Hình thức tổ chức | Thời gian thực hiện | Người thực hiện | Lực lượng cùng tham gia |
| Tháng 9,10 | Truyền thống nhà trường | Giới thiệu truyền thống nhà trường. Nội quy  Đêm hội trăng rằm | Tuyên truyền  Văn nghệ | Thứ hai hằng tuần  Ngày 09/09/2022 | TPT-GVCN | GVCN\_HS |
| Tháng 11 | Biết ơn thầy cô giáo | Hát –múa | Văn nghệ | 20/11/2022 | HS | TPT-GVCN- CLB |
| Tháng 12 | Uống nước nhớ nguồn | Biết các di tích lịch sử địa phương | Về nguồn | Trong tháng 12 | HS | TPT-HS |
| Tháng 1 | Ngày tết quê em | Biết ý nghĩa Tết cổ truyền | HĐTT | Trong tháng 1 | TPT | TPT-HS-GVCN |
| Tháng2 | Em yêu Tổ Quốc Việt nam | Biết về các di tích lịch sử | Vê thăm địa chỉ đỏ | Trong tháng 2 | HS | TPT - HS |
| Tháng 3 | Tiến bước lên Đoàn | Biết truyền thống của Đoàn Thanh niên | Tuyên truyền | Tr0ng tháng 3 | HS | TPT-GVCN- HS |
| Tháng 4 | Hoà bình và Hữu nghị | Mở rộng hiểu biết | Thi nhà sử học nhỏ tuổi | Từ ngày 18,22/04/2023 | GVCN-TPT | HS |
| Tháng 5 | Nhớ ơn Bác Hồ | Tìm hiểu về Bác Hồ | Hái hoa dân chủ | Ngày 16/05/2023 | TPT | GVCN+HS |

**Phụ lục 1.3. Tổ chức hoạt động cho học sinh sau giờ học chính thức trong ngày, theo nhu cầu người học** và trong thời gian bán trú tại trường (trong trường hợp có học sinh bán trú)

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Nội dung | Hoạt động | Đối tượng/quy mô | Thời gian | Địa điểm | Ghi chú |
| 1 | Câu lạc bộ mĩ thuật |  | Học sinh từ lớp 1-5 | 17 giờ -18 giờ 30 | Trường THTT Cần Giuộc |  |
| 2 | Câu lạc bộ Âm nhạc |  | Học sinh từ lớp 1-5 | 15 giờ 45 thứ năm hằng tuần | Trường THTT Cần Giuộc |  |
| 3 | Giảng dạy GDKNS |  | Học sinh từ lớp 1-5 | Theo TKB | Trường THTT Cần Giuộc |  |

Ghi chú: Căn cứ vào các điều kiện thực tế, nhà trường có thể lựa chọn các hoạt động: như: Hoạt động đọc sách tại thư viện, vui chơi tự do của học sinh trong khuôn viên nhà trường; Câu lạc bộ sở thích, năng khiếu tự nguyện; Tổ chức ăn, nghỉ; Tổ chức các hoạt động giáo dục trước/trong/sau thời gian học sinh ăn, nghỉ;... và ghi vào cột “Nội dung”.

4.1 Đối với khối lớp 1

**Phụ lục 1.4. Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần Năm học 2022 -2023 đối với khối lớp 1**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TUẦN 1 | | | | | | | | | | |
| THỜI GIAN | | | Ngày/tháng | Ngày/tháng | Ngày/tháng | Ngày/tháng | Ngày/tháng | Ngày/tháng | Ngày/tháng | Điều chinh kế hoạch Tuần |
| Buổi | | Tiết học | Thứ 2 | Thứ 3 | Thứ 4 | Thứ 5 | Thứ 6 | Thứ 7 | Chủ nhật |
| Sáng | | 1 | **SHDC** | Tiếng Việt | Tiếng Việt | Tiếng Việt | Toán | SHCM |  | Nghỉ ngày nhà giáo Việt Nam 20/11/2022 ( Nghỉ bù thứ hai) dạy bù trong tuần  Nghỉ Tết dương lịch ( dạy bù trong tuần)  Nghỉ Giỗ tổ Hùng Vương ngày 29/04/2022( thứ bảy) Nghỉ 30/4, 1/05 ( chủ nhật và thứ hai ) Ngày 2,3/05( thứ hai, thứ ba) nghỉ bù 29/04;30/4;. Dạy bù trong tuần 30,31 |
| 2 | Tiếng Việt | Tiếng Việt | Tiếng Việt | Tiếng Việt | Anh văn |  |
| 3 | Tiếng Việt | Toán | TN-XH | TN-XH | Tiếng Việt |  |
| 4 | Toán | TC Toán | *TC. Tiếng việt* | HĐTN\_CĐ | Tiếng Việt |  |
| Chiều | | 1 | GDTC | *GDKNS* | Mỹ thuật | *TC. Tiếng việt* | TC Toán |  |  |
| 2 | Tiếng Việt | Đạo đức | GDTC | Anh văn | *TC. Tiếng việt* |  |  |
| 3 | Tiếng Việt | *TC. Tiếng việt* | Âm nhạc | TC Toán | HĐTN\_ SHL |  |  |
| Tổng số tiết/tuần | | | 35 tiết/ tuần | | | | | | |  |
| TỔNG HỢP | | | | | | | | | | |
| TT | Nội dung | | | | Số lượng tiết học | | Chi chú | | | |
| 1 | Tiếng Việt | | | | 420 | |  | | | |
| 2 | Toán | | | | 105 | |  | | | |
| 3 | Đạo đức | | | | 35 | |  | | | |
| 4 | Tự nhiên và xã hội | | | | 70 | |  | | | |
| 5 | Giáo dục thể chất | | | | 70 | |  | | | |
| 6 | Nghệ thuật (Âm nhạc, Mỹ thuật) | | | | 70 | |  | | | |
| 7 | Hoạt động trải nghiệm | | | | 105 | |  | | | |
| 8 | Môn học tự chọn | | | | 70 | |  | | | |
| 9 | Hoạt động tập thể | | | |  | |  | | | |
| 11 | Hoạt động củng cố tăng cường | | | | 245 | |  | | | |
| 12 | Hoạt động theo nhu cầu người học | | | | 35 | |  | | | |
| 13 | Sinh hoạt chuyên môn | | | | 18 | |  | | | |
| 14 | Các ngày nghỉ trong năm | | | | 20 | |  | | | |
| 15 | Tổng số tiết học kỳ I | | | | 630 | |  | | | |
| 16 | Tổng số tiết học kỳ II | | | | 595 | |  | | | |

Ghi chú:

* Tại mỗi ô tương ứng với tiết học với thứ/ngày trong tuần, cần ghi rõ các nội dung như: Lên lớp (tổ chức dạy học các môn học hoạt động giáo dục theo tiết); hoạt động tập thể (hoạt động chào cờ đầu tuần, sinh hoạt theo chủ đề chủ điểm với quy mô lớn); sinh hoạt chuyên môn (sinh hoạt chuyên môn theo quy định của Điều lệ trường tiểu học); hoạt động củng cố tăng cường; hoạt động theo nhu cầu người học..
* Trường hợp cả ngày thứ trong tuần cùng thể hiện một nội dung, có thể ghi như sau: nghỉ lễ, sinh hoạt chuyên đề..chẳng hạn: Nghỉ lễ giỗ tổ Hùng Vương; Sinh hoạt chuyên đề ngày 20/11,..
* Giáo viên chủ nhiệm lớp dựa vào khung kế hoạch thời gian này để xây dựng phân phối chương trình, thời khóa biểu cụ thể theo ngày/tuần/tháng cho lớp mình phụ trách phù hợp với điều kiện

**4.2 Đối với khối lớp 2**

**Phụ lục 1.4. Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần Năm học 2022 -2023 đối với khối lớp 2**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TUẦN 1 | | | | | | | | | | |
| THỜI GIAN | | | Ngày/tháng | Ngày/tháng | Ngày/tháng | Ngày/tháng | Ngày/tháng | Ngày/tháng | Ngày/tháng | Điều chinh kế hoạch Tuần |
| Buổi | | Tiết học | Thứ 2 | Thứ 3 | Thứ 4 | Thứ 5 | Thứ 6 | Thứ 7 | Chủ nhật |
| Sáng | | 1 | **SHDC** | Toán | Bài đọc 2 | Toán | *GDKNS* | SHCM |  | Nghỉ ngày nhà giáo Việt Nam 20/11/2022 ( Nghỉ bù thứ hai) dạy bù trong tuần  Nghỉ Tết dương lịch ( dạy bù trong tuần)  Nghỉ Giỗ tổ Hùng Vương ngày 29/04/2022( thứ bảy) Nghỉ 30/4, 1/05 ( chủ nhật và thứ hai ) Ngày 2,3/05( thứ hai, thứ ba) nghỉ bù 29/04;30/4;. Dạy bù trong tuần 30,31 |
| 2 | Toán | Bài viết 1( tiết 1) | Bài đọc 2 | Bài viết 2 | Toán |  |
| 3 | Chia sẻ và đọc | Bài viết 1( tiết 2) | GDTC | TN-XH | Tiếng Việt |  |
| 4 | Chia sẻ và đọc | TN-XH | Toán | TC Tiếng việt | Tiếng Việt |  |
| Chiều | | 1 | Âm nhạc | TC Tiếng việt | Anh văn | TC Toán | TC Tiếng việt |  |  |
| 2 | Mỹ thuật | Đạo đức | TC Toán | Kể chuyện | HĐTN-Sinh hoạt lớp |  |  |
| 3 | GDTC | TC Toán | TC Tiếng việt | HĐTN | Anh văn |  |  |
| Tổng số tiết/tuần | | | 35 tiết/ tuần | | | | | | |  |
| TỔNG HỢP | | | | | | | | | | |
| TT | Nội dung | | | | Số lượng tiết học | | Chi chú | | | |
| 1 | Tiếng Việt | | | | 350 | |  | | | |
| 2 | Toán | | | | 175 | |  | | | |
| 3 | Đạo đức | | | | 35 | |  | | | |
| 4 | Tự nhiên và xã hội | | | | 70 | |  | | | |
| 5 | Giáo dục thể chất | | | | 70 | |  | | | |
| 6 | Nghệ thuật (Âm nhạc, Mỹ thuật) | | | | 70 | |  | | | |
| 7 | Hoạt động trải nghiệm | | | | 105 | |  | | | |
| 8 | Môn học tự chọn | | | | 70 | |  | | | |
| 9 | Hoạt động tập thể | | | | 0 | |  | | | |
| 11 | Hoạt động củng cố tăng cường | | | | 245 | |  | | | |
| 12 | Hoạt động theo nhu cầu người học | | | | 35 | |  | | | |
| 13 | Sinh hoạt chuyên môn | | | | 18 | |  | | | |
| 14 | Các ngày nghỉ trong năm | | | | 20 | |  | | | |
| 15 | Tổng số tiết học kỳ I | | | | 630 | |  | | | |
| 16 | Tổng số tiết học kỳ II | | | | 595 | |  | | | |

**4.3 Đối với khối lớp 3**

**Phụ lục 1.4. Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần Năm học 2022 -2023 đối với khối lớp 3**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TUẦN 1 | | | | | | | | | | |
| THỜI GIAN | | | Ngày/tháng | Ngày/tháng | Ngày/tháng | Ngày/tháng | Ngày/tháng | Ngày/tháng | Ngày/tháng | Điều chinh kế hoạch Tuần |
| Buổi | | Tiết học | Thứ 2 | Thứ 3 | Thứ 4 | Thứ 5 | Thứ 6 | Thứ 7 | Chủ nhật |
| Sáng | | 1 | **SHDC** | Mỹ thuật | GDKNS | Bài đọc ( t1) | Tiếng Anh | SHCM |  | Nghỉ ngày nhà giáo Việt Nam 20/11/2022 ( Nghỉ bù thứ hai) dạy bù trong tuần  Nghỉ Tết dương lịch ( dạy bù trong tuần)  Nghỉ Giỗ tổ Hùng Vương ngày 29/04/2022( thứ bảy) Nghỉ 30/4, 1/05 ( chủ nhật và thứ hai ) Ngày 2,3/05( thứ hai, thứ ba) nghỉ bù 29/04;30/4;. Dạy bù trong tuần 30,31 |
| 2 | Toán | GDTC | Bài viết | Bài đọc ( t2) | GDTC |  |
| 3 | Tin học | Âm nhạc | Toán | Tiếng Anh | Bài viết\_ GST |  |
| 4 | HĐTN 1 | Tiếng Anh | Công nghệ | Toán | Toán |  |
| Chiều | | 1 | Bài đọc ( t1) | Đạo đức | HĐTN 2 | Kể chuyện | TNXH |  |  |
| 2 | Bài đọc ( t2) | Toán | TC Toán | TC T.Việt | TC Toán |  |  |
| 3 | TC T.Việt | TNXH | Tiếng Anh | TC Toán | HĐTN3 |  |  |
| Tổng số tiết/tuần | | | 35 tiết/ tuần | | | | | | |  |
| TỔNG HỢP | | | | | | | | | | |
| TT | Nội dung | | | | Số lượng tiết học | | Chi chú | | | |
| 1 | Tiếng Việt | | | | 245 | |  | | | |
| 2 | Toán | | | | 175 | |  | | | |
| 3 | Ngoại ngữ 1 | | | | 140 | |  | | | |
| 4 | Đạo đức | | | | 35 | |  | | | |
| 5 | Tự nhiên và xã hội | | | | 70 | |  | | | |
| 6 | Tin học và Công nghệ | | | | 70 | |  | | | |
| 7 | Giáo dục thể chất | | | | 70 | |  | | | |
| 8 | Nghệ thuật (Âm nhạc, Mỹ thuật) | | | | 70 | |  | | | |
| 9 | Hoạt động trải nghiệm | | | | 105 | |  | | | |
| 11 | Môn học tự chọn | | | | 0 | |  | | | |
| 12 | Hoạt động tập thể | | | | 35 | |  | | | |
| 13 | Hoạt động củng cố tăng cường | | | | 175 | |  | | | |
| 14 | Hoạt động theo nhu cầu người học | | | | 35 | |  | | | |
| 15 | Sinh hoạt chuyên môn | | | | 18 | |  | | | |
| 16 | Các ngày nghỉ trong năm | | | | 20 | |  | | | |
| 17 | Tổng số tiết học kỳ I | | | | 630 | |  | | | |
| 18 | Tổng số tiết học kỳ II | | | | 595 | |  | | | |

**4.4 Đối với khối lớp 4**

**Phụ lục 1.4. Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần Năm học 2022 -2023 đối với khối lớp 4**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TUẦN 1 | | | | | | | | | | |
| THỜI GIAN | | | Ngày/tháng | Ngày/tháng | Ngày/tháng | Ngày/tháng | Ngày/tháng | Ngày/tháng | Ngày/tháng | Điều chinh kế hoạch Tuần |
| Buổi | | Tiết học | Thứ 2 | Thứ 3 | Thứ 4 | Thứ 5 | Thứ 6 | Thứ 7 | Chủ nhật |
| Sáng | | 1 | SHDC | Tin học | Tập đọc | Toán | GDKNS | SHCM |  | Nghỉ ngày nhà giáo Việt Nam 20/11/2022 ( Nghỉ bù thứ hai) dạy bù trong tuần  Nghỉ Tết dương lịch ( dạy bù trong tuần)  Nghỉ Giỗ tổ Hùng Vương ngày 29/04/2022( thứ bảy) Nghỉ 30/4, 1/05 ( chủ nhật và thứ hai ) Ngày 2,3/05( thứ hai, thứ ba) nghỉ bù 29/04;30/4;. Dạy bù trong tuần 30,31 KCế hoạch có điểu chỉnh thoe Cong văn 3969 |
| 2 | Tập đọc | Thể dục | Toán | LT&C | Toán |  |
| 3 | Toán | Mỹ thuật | TLV | Âm nhạc | Tin học |  |
| 4 | Tiếng Anh | Tiếng Anh | Khoa học | Kĩ thuật | TLV |  |
| Chiều | | 1 | Địa lý | Toán | LT&C | TC T.Việt | TC Toán |  |  |
| 2 | TC T.Việt | Chính tả | Kể chuyện | Đạo đức | Thể dục |  |  |
| 3 | Luyện viết | Khoa học | TC Toán | Lịch sử | SH lớp |  |  |
| Tổng số tiết/tuần | | | 35 tiết/ tuần | | | | | | |  |
| TỔNG HỢP | | | | | | | | | | |
| TT | Nội dung | | | | Số lượng tiết học | | Chi chú | | | |
| 1 | Tiếng Việt | | | | 280 | |  | | | |
| 2 | Toán | | | | 175 | |  | | | |
| 3 | Đạo đức | | | | 35 | |  | | | |
| 4 | Tự nhiên và xã hội | | | |  | |  | | | |
| 5 | Giáo dục thể chất | | | | 70 | |  | | | |
| 6 | Nghệ thuật (Âm nhạc, Mỹ thuật) | | | | 70 | |  | | | |
| 7 | Hoạt động trải nghiệm | | | | 35 | |  | | | |
| 8 | Môn học tự chọn | | | | 140 | |  | | | |
| 9 | Kĩ thuật | | | | 35 | |  | | | |
| 11 | Lịch sử - Địa lí | | | | 70 | |  | | | |
| 12 | Khoa học | | | | 70 | |  | | | |
| 13 | Hoạt động tập thể | | | | 35 | |  | | | |
| 14 | Hoạt động củng cố tăng cường | | | | 175 | |  | | | |
| 15 | Hoạt động theo nhu cầu người học | | | | 35 | |  | | | |
| 16 | Sinh hoạt chuyên môn | | | | 18 | |  | | | |
|  | Các ngày nghỉ trong năm | | | | 20 | |  | | | |
|  | Tổng số tiết học kỳ I | | | | 630 | |  | | | |
|  | Tổng số tiết học kỳ II | | | | 595 | |  | | | |

**4.5 Đối với khối lớp 5**

**Phụ lục 1.4. Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần Năm học 2022 -2023 đối với khối lớp 5**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TUẦN 1 | | | | | | | | | | |
| THỜI GIAN | | | Ngày/tháng | Ngày/tháng | Ngày/tháng | Ngày/tháng | Ngày/tháng | Ngày/tháng | Ngày/tháng | Điều chinh kế hoạch Tuần |
| Buổi | | Tiết học | Thứ 2 | Thứ 3 | Thứ 4 | Thứ 5 | Thứ 6 | Thứ 7 | Chủ nhật |
| Sáng | | 1 | SHDC | *Thể dục* | Tập đọc | Toán | *Tiếng Anh* | SHCM |  | Nghỉ ngày nhà giáo Việt Nam 20/11/2022 ( Nghỉ bù thứ hai) dạy bù trong tuần  Nghỉ Tết dương lịch ( dạy bù trong tuần)  Nghỉ Giỗ tổ Hùng Vương ngày 29/04/2022( thứ bảy) Nghỉ 30/4, 1/05 ( chủ nhật và thứ hai ) Ngày 2,3/05( thứ hai, thứ ba) nghỉ bù 29/04;30/4;. Dạy bù trong tuần 30,31 |
| 2 | Tập đọc | Toán | *Mỹ thuật* | LT&C | Toán |  |
| 3 | Toán | LT&C | *Thể dục* | Chính tả | TLV |  |
| 4 | Địa lý | Khoa học | Toán | Khoa học | Lịch sử |  |
| Chiều | | 1 | *Tiếng Anh* | Kĩ thuật | TLV | Kể chuyện | GDKNS |  |  |
| 2 | *Âm nhạc* | TC T.Việt | Đạo đức | *Tiếng Anh* | *Tin học* |  |  |
| 3 | Tin học | *Tiếng Anh* | TC Toán | Luyện viết | SH lớp |  |  |
| Tổng số tiết/tuần | | | 35 tiết/ tuần | | | | | | | Bổ sung thực hiện theo công văn số 3799/BGD-ĐT ngày 1/09/2021 về việc hướng dẫn dạy học lớp 5 đáp ứng yêu cần CTGDPT 2018 |
| TỔNG HỢP | | | | | | | | | | |
| TT | Nội dung | | | | Số lượng tiết học | | Chi chú | | | |
| 1 | Tiếng Việt | | | | 280 | |  | | | |
| 2 | Toán | | | | 175 | |  | | | |
| 3 | Đạo đức | | | | 35 | |  | | | |
| 4 | Tự nhiên và xã hội | | | |  | |  | | | |
| 5 | Giáo dục thể chất | | | | 70 | |  | | | |
| 6 | Nghệ thuật (Âm nhạc, Mỹ thuật) | | | | 70 | |  | | | |
| 7 | HDNGLL | | | | 35 | |  | | | |
| 8 | Kĩ thuật | | | | 35 | |  | | | |
| 9 | Lịch sử - Địa lí | | | | 70 | |  | | | |
| 11 | Khoa học | | | | 70 | |  | | | |
| 12 | Hoạt động trải nghiệm | | | |  | |  | | | |
| 13 | Môn học tự chọn | | | | 210 | |  | | | |
| 14 | Hoạt động tập thể | | | | 35 | |  | | | |
| 15 | Hoạt động củng cố tăng cường | | | | 105 | |  | | | |
| 16 | Hoạt động theo nhu cầu người học | | | | 35 | |  | | | |
| 17 | Sinh hoạt chuyên môn | | | | 18 | |  | | | |
| 18 | Các ngày nghỉ trong năm | | | | 20 | |  | | | |
| 19 | Tổng số tiết học kỳ I | | | | 630 | |  | | | |
| 20 | Tổng số tiết học kỳ II | | | | 595 | |  | | | |